

VAI TRÒ GIÁO DỤC GIA ĐÌNH VÀ TÍNH KẾT NỐI TRONG GIÁO DỤC GIA ĐÌNH – NHÀ TRƯỜNG Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

I TRƯƠNG THỊ LAM HÀ

Email: lamha@hcmussh.edu.vn

Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG-HCM

THE ROLE OF FAMILY EDUCATION AND CONNECTION IN FAMILY EDUCATION – SCHOOL EDUCATION AT MEKONG DELTA

TÓM TẮT



ABSTRACT

Giáo dục là vấn đề luôn được quan tâm nghiên cứu ở nhiều lĩnh vực. Cùng với giáo dục nhà trường và giáo dục xã hội, giáo dục gia đình đóng vai trò quan trọng trong việc đào tạo con người, hình thành văn hóa giáo dục của gia đình, dòng họ. Thực tế cho thấy, ĐBSCL là vùng đất có nguồn nhân lực dồi dào nhưng lại hạn chế về chất lượng so với các vùng khác. Nghiên cứu của chúng tôi nhằm tìm hiểu vai trò của giáo dục trong gia đình (trong tương quan với nhà trường) đến việc giáo dục con người. Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhiều gia đình ở ĐBSCL đã nhìn nhận trách nhiệm quan trọng của gia đình trong giáo dục con cái, đặc biệt khi đặt trong tương quan với giáo dục nhà trường. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cũng cho thấy không phải gia đình nào cũng chú trọng đúng mức vai trò của giáo dục trong gia đình.

Từ khóa: Giáo dục, ĐBSCL, Gia đình, Nhà trường, Tính kết nối

Education is a topic of constant interest to research in many fields. Like school education and social education, family education plays an important role in cultivating people and forming the educational culture of families and clans. In fact, the Mekong Delta is a land rich in human resources but limited in quality relative to other regions. Our research aimed to understand the role of family education (in related with school) on people's education. The research showing that, many families in the Mekong Delta have recognized the important family responsibility in educating their children, especially in schooling. However, the result of research also showing that, not all families pay enough attention to the role of education in the family.

Keywords: Education, Mekong Delta, Family, School, Connectivity

1. Đặt vấn đề

Giáo dục là vấn đề luôn được quan tâm nghiên cứu ở nhiều lĩnh vực. Trong các môi trường giáo dục, gia đình đóng vai trò quan trọng bởi vì đây là nơi bắt đầu quá trình xã hội hóa (socialization) của con người. Cùng với giáo dục nhà trường và giáo dục xã hội, giáo dục gia đình đóng vai trò quan trọng trong việc đào tạo con người, hình thành văn hóa giáo dục của gia đình, dòng họ.

Quan tâm vai trò cha mẹ, đặc biệt đặt vai trò cha mẹ trong mối quan hệ với việc học của con cái ở trường, K. Leithwood & P. Patrician (2015) cho thấy tầm quan trọng của nền tảng văn hóa giáo dục của gia đình, bao gồm cả phong cách nuôi dạy con, kỳ vọng cha mẹ, sự hướng dẫn, quan tâm của cha mẹ về việc học tập của con ở trường. Ở Việt Nam, cụ thể là ở Nam Bộ, các công trình của Đặng Thị Hoa (2008),

Hà Thúc Dũng và Nguyễn Ngọc Anh (2012), Nguyễn Văn Tiệp (2017)... cũng cho thấy vai trò của gia đình và việc đầu tư cho giáo dục của gia đình. Trần Thị Kim Xuyên (2014) trong công trình Sự thay đổi về mặt chức năng của gia đình nông thôn ven đô trong bối cảnh đô thị hóa ở Nam Bộ đã khảo sát các địa bàn Thuận An, Bình Dương; xã Thới Thạnh, huyện Thới Lai, Cần Thơ và xã Trung An, Mỹ Tho, Tiền Giang để thấy sự thay đổi chức năng của gia đình nông thôn ven đô: chức năng giáo dục trong gia đình thay đổi theo thời gian, và đã được chuyển giao bớt cho các thiết chế giáo dục khác ngoài gia đình ... Các công trình của các tác giả trên đã phần nào làm rõ vai trò của gia đình trong giáo dục con cái trên nhiều phương diện. Ở đề tài này, chúng tôi sẽ làm rõ hơn nhận thức của gia đình về vai trò giáo dục của gia đình và tính gắn kết giữa giáo dục gia đình và giáo dục xã hội trong giáo dục con người ở ĐBSCL.

ĐBSCL được xem là nơi chậm phát triển về giáo dục của cả nước, thể hiện qua các số liệu thống kê về tỷ lệ nhập học ở các cấp; tỷ lệ học lên cao đẳng, đại học; tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo hay tổng chi ngân sách giáo dục địa phương... thấp hơn so với nhiều vùng khác trong khi tỷ lệ dân số mù chữ/ tái mù chữ, tỷ lệ bỏ học ở các cấp lại cao hơn (Tổng cục Thống kê, 2021). Thực tế cho thấy, ĐBSCL là vùng đất có nguồn nhân lực dồi dào nhưng lại hạn chế về chất lượng so với các vùng khác. Như vậy, chất lượng nguồn nhân lực không cao có trách nhiệm từ phía giáo dục gia đình hay không? Nghiên cứu của chúng tôi nhằm tìm hiểu vai trò của gia đình (trong tương quan với nhà trường) đến việc giáo dục con người, đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội. Câu hỏi chúng tôi đặt ra là: (1) Các gia đình người Việt ở ĐBSCL nhận thức về vai trò của giáo dục trong gia đình như thế nào? (2) Có sự liên kết chặt chẽ giữa giáo dục gia đình – nhà trường ở ĐBSCL hay không? Để trả lời hai câu hỏi nghiên cứu trên, chúng tôi cho rằng: (1) Các gia đình người Việt ở ĐBSCL nhận thức được tầm quan trọng của giáo dục gia đình và có chú trọng giáo dục con cái trong gia đình nhưng có sự khác nhau về mức độ và nội dung giáo dục ở các nhóm xã hội; (2) Có sự kết nối và phân vai một cách tương đối trong giáo dục giữa gia đình và nhà trường ở ĐBSCL. Về lý thuyết tiếp cận, chúng tôi vận dụng lý thuyết hệ thống sinh thái của Bronfenbrenner. Bronfenbrenner cho rằng có năm kiểu hệ thống lồng vào nhau khi nghiên cứu về sự phát triển của con người, đó là: hệ vi mô, hệ tương tác, hệ ngoại vi, hệ vĩ mô và hệ thời gian. Trong đó, hệ vi mô là quan trọng nhất vì đây là môi trường gần gũi nhất, tác động nhiều nhất và trực tiếp nhất đến sự phát triển của con người (Bronfenbrenner, 1979).

Về phương pháp nghiên cứu: bài viết chủ yếu dựa vào dữ liệu thu thập được từ nghiên cứu định tính và định lượng. Trong 13 tỉnh, thành ở ĐBSCL, dựa trên tiêu chí khảo sát của đề tài là nơi không có quá nhiều sự biến động về dân cư; chủ yếu là người Việt sinh sống, chúng tôi chọn 3 điểm nghiên cứu điển hình về mặt sinh thái, lịch sử văn hóa, xã hội gồm: tỉnh Long An, Tp. Cần Thơ và tỉnh Cà Mau. Về chọn mẫu khảo sát định tính, chúng tôi chọn mẫu phân tầng và chọn mẫu định mức, với tổng cộng 48 cuộc phỏng vấn sâu hai nhóm ông bà, cha mẹ và con cái. Về phương pháp chọn mẫu định lượng, chúng tôi kết hợp chọn mẫu phân tầng và chọn mẫu phi xác suất chỉ tiêu, với tổng cộng mẫu điều tra là 240 hộ gia đình. Khách thể nghiên cứu là các gia đình người Việt (ông bà, cha mẹ, con cái) ở ĐBSCL.

2. Vai trò giáo dục của gia đình – từ nhận thức đến thực tiễn giáo dục của người Việt ĐBSCL

Giáo dục gia đình là giáo dục suốt đời, có nghĩa là nó sẽ đi song hành với các thể chế giáo dục khác, không thể tách rời. Quyết định 2238/QĐ-TTg ngày

30/12/2021 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030 có nêu rõ: “Gia đình là tế bào của xã hội; nơi duy trì nòi giống; môi trường quan trọng hình thành, nuôi dưỡng, giáo dục nhân cách con người và lưu giữ, trao truyền các giá trị văn hóa của dân tộc” (điều 1) (1). Như vậy, vai trò của gia đình trong việc hình thành nhân cách và lưu giữ, trao truyền các giá trị văn hóa là vai trò cốt yếu. Con cái được dạy dỗ chu đáo sẽ trở thành người có phẩm chất đạo đức tốt, nếu không, đó sẽ là gánh nặng không chỉ cho gia đình mà còn cho xã hội. Giáo dục con người phải bắt đầu từ gia đình, môi trường đầu tiên tạo nền tảng giá trị cơ bản, là tiền đề cho sự tương tác giáo dục giữa các thiết chế sau này. Tầm quan trọng của môi trường trực tiếp - môi trường vi mô - đã được Bronfenbrenner nhấn mạnh trong lý thuyết hệ thống sinh thái của mình. Nếu gia đình nào nhận thức càng rõ về vai trò giáo dục trong gia đình và tổ chức tốt việc thực hiện thì kết quả giáo dục sẽ mang tính hiệu quả cao, và ngược lại.

Tam Tụng Kinh có câu: “Dưỡng bất giáo, phụ chi quá/ Giáo bất nghiêm, sư chi đọa/ Tử bất học, phi sở nghi/ Ấu bất học, lão hà vi” (Nhân Chi Sơ - Tam Tụng Kinh, Vương Ứng Lân) nói lên vai trò của người cha (gia đình) và người thầy (trường học) trong giáo dục con người. Các gia đình ĐBSCL cũng rất coi trọng việc giáo dục con người - ví giáo dục con người là chuyện “trồng người”: “Trồng gừng trồng ớt ăn cay/ Trồng mía ăn ngọt trồng khoai ăn bụi/ Trồng cây là chuyện nhất thời/ Trồng người là chuyện để đời mai sau” (Văn học dân gian Bến Tre, 2015, tr.32). Trong nhận thức của gia đình người Việt ĐBSCL trước đây, theo khảo sát tư liệu dân gian, quan niệm về yếu tố bản tính (tiên thiên) chi phối việc hình thành tính cách con người rất lớn: “Gai nhọn không phải mài/ Người khôn không phải dạy” (Văn học dân gian Bạc Liêu, 2005, tr.732), “Cây lành sanh trái ngọt” (Văn học dân gian Bến Tre, 2015, tr.35)... Tuy nhiên, họ không quan niệm tất cả đều phó mặc cho “trời” mà họ vẫn rất coi trọng giáo dục, đặc biệt là giáo dục khi con còn nhỏ, hình thành “tập tính” cho con. Như vậy, mặc dù coi bản tính con người có vai trò quan trọng, nhưng trong nhận thức của người Việt ở ĐBSCL thì con người suy cho cùng vẫn là “cần giáo dục” và “giáo dục được”: “Nhiều gia đình tại sao con bất hiếu, mà coi lại người mẹ, người cha đối xử với ông bà như thế nào. Cái gì nó cũng có nguyên nhân. Do tính cách thì có. Nhưng mà được dạy dỗ ở môi trường đàng hoàng thì tính cách cũng không thể bộc lộ được” (ông N.H.A, viên chức về hưu, 68 tuổi, Tp. Cà Mau).

Đặt vai trò của giáo dục trong phạm vi gia đình, nhiều gia đình ĐBSCL đã nhìn nhận trách nhiệm quan trọng của gia đình trong giáo dục con cái, đặc biệt xác định nếu giáo dục gia đình không nghiêm, thì chính

EDUCATION

gia đình là nơi phải trực tiếp chịu trách nhiệm và nhận hậu quả. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy không phải gia đình nào cũng chú trọng đúng mức vai trò của giáo dục trong gia đình. Ví dụ như giáo dục đạo đức, nhiều gia đình lại cho rằng đó là trách nhiệm chỉ của nhà trường (3.3%). Tuy chỉ chiếm tỷ lệ % thấp nhưng điều này phản ánh không phải gia đình nào cũng quan tâm đúng mức và thực hiện đầy đủ trách nhiệm giáo dục con cái, đặc biệt là giáo dục đạo đức, một nội dung giáo dục quan trọng trong gia đình. Nhiều gia đình ĐBSCL nhận thức con sẽ tự trưởng thành, nên dạy con theo cách thức “tự nhiên”, ít bó buộc, ít nghiêm khắc, dẫn đến hệ quả con cái không đạt được yêu cầu về năng lực trong xã hội hiện đại.

Ngoài ra, giáo dục trong gia đình còn khác giáo dục nhà trường ở chỗ giáo dục trong gia đình đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình giữ gìn giá trị truyền thống, đặc biệt là giữ gìn các giá trị truyền thống gắn liền với từng gia đình cụ thể (mà nhà trường và xã hội sẽ không chuyên sâu). Các nội dung giáo dục được thực hành trong các không gian và thời gian khác nhau, đặc biệt linh hoạt hơn so với giáo dục nhà trường. Trong các gia đình người Việt ĐBSCL, không gian giáo dục trong sinh hoạt thường ngày không chỉ trên bàn học vì giáo dục trong gia đình không chỉ là hướng dẫn thêm cho con kiến thức từ trường lớp mà còn là dạy con đạo đức, kỹ năng sống, tri thức từ cuộc sống và nhiều nội dung khác... Giáo dục trong gia đình mang tính thực hành cao nên không gian giáo dục được mở rộng: trên mâm cơm, ngoài sân, ngoài đồng ruộng, trong các không gian sinh hoạt chung... Các không gian này được kết hợp với chức năng giáo dục bằng các hình thức khác nhau như tổ chức nấu ăn, làm việc chung, sinh hoạt chung, trò chuyện chung... Theo Bruner, giáo dục không chỉ xảy ra trong lớp học, mà còn xung quanh bàn ăn tối khi các thành viên trong gia đình cố gắng cùng hiểu về những gì đã xảy ra vào ngày hôm đó, hoặc khi những đứa trẻ cố gắng giúp nhau hiểu về thế giới của người lớn, hoặc khi một người chủ và người học việc tương tác trên công việc. Vì vậy, không có gì thích hợp hơn là thực hành giáo dục để kiểm tra tâm lý văn hóa. Ngoài ra, các gia đình người Việt ở ĐBSCL cũng chú ý giáo dục con cái truyền thống, phong tục, tín ngưỡng gia đình trong không gian nghi lễ trong gia đình (lễ tết, đám giỗ, đám cưới, tiệc gia đình...) và giáo dục khi con thực hành giáo dục ở không gian ngoài gia đình để điều chỉnh hành vi của con trong giao tiếp xã hội. Khảo sát của chúng tôi cho thấy mức độ quan tâm dạy con các giá trị truyền thống, phong tục tập quán vẫn được các gia đình người Việt ĐBSCL chú trọng, tuy không được nhiều như giáo dục các giá trị cá nhân, và không đồng đều ở các nhóm xã hội (nhóm di cư từ Bắc Bộ, Trung Bộ chú trọng giáo dục con cái các giá trị truyền thống, bản sắc cộng đồng hơn).

Tầm quan trọng của giáo dục trong nhận thức các gia đình còn được thể hiện qua chi báo về đầu tư giáo dục. Hầu hết các gia đình khi được phỏng vấn đều khẳng định việc đầu tư giáo dục là cần thiết, có nghĩa là họ thấy rõ giá trị, vai trò của giáo dục trong gia đình. Nhưng từ nhận thức về giá trị giáo dục đến hiện thực hóa các giá trị đó là một khoảng cách. Việc đầu tư không chỉ thể hiện qua nhận thức về tầm quan trọng của giáo dục mà còn ở việc gia đình có chịu đầu tư, có khả năng đầu tư và có thực hành cụ thể việc đầu tư hay không, thông qua hai chỉ số đó là đầu tư về vật chất và đầu tư về tinh thần. Đầu tư vật chất thể hiện qua việc đầu tư tài chính cho con học hành (cả học chính khóa lẫn học ngoại khóa), đầu tư tinh thần là đầu tư thời gian, công sức để cung cấp cho con các tri thức, kinh nghiệm thực tiễn (dành thời gian dạy dỗ, trò chuyện, tham gia các hoạt động cùng con, cho con đi du lịch trải nghiệm, tham gia các chương trình gia đình tự tổ chức hoặc các tổ chức khác tổ chức v.v...). Việc đầu tư giáo dục đó được tính đường dài, thể hiện rõ trong mục đích giáo dục và “kết quả đầu ra” của giáo dục. Các gia đình đều quan niệm đầu tư giáo dục là đầu tư có lợi, là bước quan trọng để hoàn thành mục tiêu. Tuy nhiên, do ý thức thực tế, có một số gia đình cũng đồng nhất việc đầu tư giáo dục như đầu tư kinh doanh, có nghĩa là đầu tư phải sinh lời, và ưu tiên cho những đầu tư sinh lời nhanh. Họ cần nhắc việc sinh lời đó để “đầu tư” đúng hướng.

Việc đầu tư cho giáo dục ở các gia đình hiện nay đã có bước chuyển biến lớn so với trước kia, cả ở các gia đình có vốn văn hóa, vốn xã hội, vốn kinh tế khác nhau. Các gia đình ở ĐBSCL mà chúng tôi khảo sát chủ yếu là đầu tư trang thiết bị học tập (100% gia đình được hỏi đều có đầu tư), đầu tư gốc học tập (89.5% gia đình được hỏi đều có đầu tư), và cuối cùng là đầu tư tham quan học tập trải nghiệm (79.5% gia đình được hỏi đều có đầu tư). Ngoài ra, kết quả nghiên cứu cho thấy việc đầu tư cho giáo dục ở nông thôn và đô thị cũng không nhiều khác biệt, đặc biệt là có nhiều nội dung đầu tư ở các gia đình nông thôn tỷ lệ đầu tư lại cao hơn (mặc dù khác biệt không đáng kể) so với đô thị. Điều này cho thấy các gia đình người Việt ĐBSCL hiện nay đã nhận thức được tầm quan trọng của giáo dục và có kế hoạch đầu tư cho con, nhưng đề so sánh với các vùng khác trong cả nước thì đầu tư cho giáo dục ở ĐBSCL vẫn còn thấp (chi tiêu cho giáo dục khoảng 5,2 triệu đồng/năm, thấp hơn nhiều so với Đông Nam Bộ (11 triệu/người/năm) và ĐBSH (9,2 triệu/người/năm) (Tổng cục Thống kê, 2021, tr.166-167).

3. Mạng lưới liên kết giáo dục: gia đình – nhà trường và vai trò của nó trong phát triển nguồn nhân lực ĐBSCL

Theo T. Parsons, trong quá trình xã hội hóa, gia đình, tác nhân xã hội hóa đầu tiên, đóng vai trò then chốt

EDUCATION

bên cạnh vai trò của trường học và nhóm bạn đồng lứa (Cuche, 2020, tr.120). Như vậy, sự liên kết trong giáo dục gia đình và nhà trường ở ĐBSCL đã diễn ra như thế nào?

Theo Lê Ngọc Hùng (2014), trong giáo dục gia đình Việt Nam thời phong kiến, “đại đa số gia đình thực hiện chức năng “dạy người, dạy nghề” nhưng không “dạy chữ”, và “dạy người, dạy nghề” trong các gia đình cũng chủ yếu mang tính chất “kinh nghiệm thường ngày” chứ không dựa vào tri thức khoa học như trong nhà trường” (Lê Ngọc Hùng, 2014, tr.67). Ở các gia đình ĐBSCL truyền thống cũng vậy. Trong thời kỳ đầu khẩn hoang, chức năng “dạy chữ” nhường chỗ cho việc mưu sinh, định cư trên vùng đất mới, nên chức năng giáo dục trong gia đình lúc này thiên về dạy người, dạy nghề và dạy kỹ năng sống. Giáo dục là sự truyền đạt, và nhiều khi sự truyền đạt đó mang tính chất “truyền khẩu”, tức giáo dục không cần qua sách vở, mà giáo dục từ kinh nghiệm, vốn sống của các thế hệ: cha ông truyền cho con cháu, anh chị truyền cho em.

Đến thời kỳ Pháp thuộc và ngày nay, chức năng dạy chữ đã được quan tâm nhiều hơn và đã có sự chuyên môn hóa cho nhà trường. Tuy nhiên, mối quan hệ giữa gia đình và nhà trường là mối quan hệ không thể tách rời. Trước kia, ở một số gia đình ĐBSCL, con cái bắt đầu đi học từ lớp một mà không qua giai đoạn mẫu giáo ở nhà trường, nên giáo dục lứa tuổi từ 1-7 tuổi chủ yếu từ phía gia đình. Từ lớp 1 trở đi mới bắt đầu có sự san sẻ trách nhiệm giáo dục với nhà trường. Hiện nay, nghiên cứu cho thấy, mặc dù hầu hết các gia đình ở địa phương đều cho con học bán trú, thời gian ở trường nhiều hơn trước đây nhưng trong quan niệm của người dân, gia đình vẫn đóng vai trò quan trọng và trách nhiệm giáo dục là trách nhiệm giáo dục chung của cả nhà trường và gia đình (theo kết quả khảo sát: 86.3% cho rằng giáo dục đạo đức, nhân cách là trách nhiệm của cả gia đình và nhà trường, 10.4% cho rằng là trách nhiệm của gia đình và 3.3% cho là trách nhiệm của nhà trường). Đặc biệt, hầu hết các gia đình đều nhận thức được tầm quan trọng của giáo dục gia đình trong sự phát triển của con cái. Nghiên cứu chứng minh có rất ít gia đình cho rằng gia đình chỉ là “vai phụ” trong phân vai giáo dục giữa nhà trường và gia đình: “Tôi nói rằng gia đình vẫn là chính, nếu thời gian 24 tiếng thì con trẻ ở nhà già thời gian đó, nhà trường giỏi lắm 12 tiếng đồng hồ, nhà trường không theo dõi hết được giáo dục, cái chung thôi, gia đình vẫn là chính, chứ không thể đổ hết lên cho nhà trường. Như là hay bảo cái đó là của nhà trường này khác, con mình hư mà bảo do nhà trường này khác thì thấy khó, giữa nhà trường và xã hội đưa ra cân cái nào quan trọng hơn, không phải trách nhiệm nặng hay nhẹ, theo tôi vẫn là gia đình là trên hết” (ông P.H., 74 tuổi, bộ đội, Bình Thủy).

Mặc dù giữ vai trò quan trọng, nhưng gia đình không thể đơn độc trong việc giáo dục con cái, gia đình không thể thiếu được nhà trường. Vì như các gia đình nhận định, dù gia đình đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành đạo đức, lối sống cho con cái, nhưng kiến thức thì chủ yếu ở trường học. Ngoài ra, cha mẹ giáo dục con cái chỉ theo kinh nghiệm, không bằng giáo dục nhà trường bài bản, có phương pháp. Như vậy, việc phân công nhiệm vụ giữa nhà trường và gia đình được các gia đình nhận thức như thế nào? Theo đa số các gia đình, nhà trường thiên về giáo dục kiến thức, tác phong, kỷ luật... còn gia đình giáo dục đạo đức, lối sống, nền nếp sinh hoạt, tình cảm, quan hệ ứng xử... Có nhiều nội dung cả nhà trường và gia đình đều cần phải giáo dục, nhưng nhà trường chỉ giáo dục chung, còn đi vào cụ thể từng trường hợp, nhắc nhở thực hành hàng ngày, giáo dục phong tục, truyền thống, tình cảm, cách ứng xử trong gia đình... là phải từ phía gia đình.

Có thể thấy, tổ chức giáo dục trong gia đình giữa các thành viên khác cách tổ chức của trường học. Nếu trường học có sự phân công trách nhiệm rõ ràng giữa các giáo viên, có những quy định về quyền và nghĩa vụ của giáo viên, và thống nhất thực hiện theo quy định nhà trường để đảm bảo chất lượng đào tạo theo khung chương trình, thì tổ chức trong gia đình lại thiên về linh hoạt, tình cảm và chủ động san sẻ trách nhiệm từ các thành viên. Chính yếu tố linh hoạt, thiên về tự ý thức hơn chế tài đã khiến kết quả giáo dục không tương đương nhau ở các gia đình.

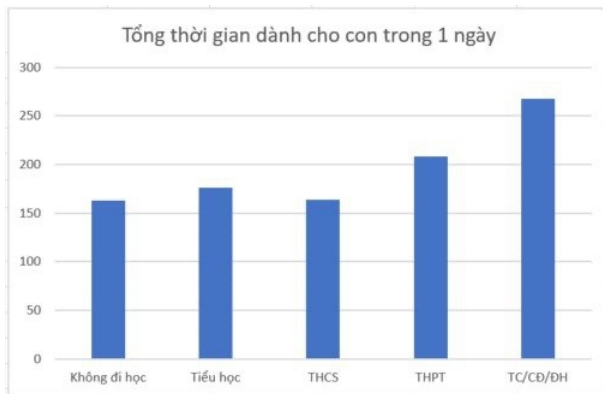
Mặc dù các gia đình cũng nhận thức về sự “phân vai” trong giáo dục, nhưng sự phân vai đó cũng mang tính chất tương đối, vì gia đình cũng phải hỗ trợ nhà trường trong học tập của con cái. Thực tế cho thấy ở các gia đình không có sự phân chia một cách tuyệt đối trong giáo dục nhà trường và gia đình, có nghĩa nhà trường và gia đình đều mang ý nghĩa giáo dục toàn diện, hỗ trợ nhau. Gia đình thiếu phần nào sẽ được giáo dục nhà trường bổ sung và ngược lại, nhưng, giáo dục gia đình phải giữ vai trò nền tảng. Tuy nhiên, tình hình thực tế là sự phối hợp có khác biệt ở các nhóm gia đình, các nhóm gia đình có cha mẹ học vấn thấp thì tuy không đẩy hết trách nhiệm giáo dục con cái cho nhà trường nhưng thời gian họ dành cho con thấp hơn so với các gia đình có cha mẹ có trình độ học vấn cao.

Theo kết quả khảo sát của chúng tôi, nhóm gia đình có trình độ học vấn thấp có tổng thời gian dành cho con ít hơn các nhóm gia đình có trình độ cao do nhóm gia đình có trình độ học vấn thấp ít dành thời gian hướng dẫn con cái học tập. Ở các gia đình này, trong việc học hành họ chỉ có thể quan tâm nhắc nhở và tùy thuộc vào sự chủ động học tập, tự học của con chứ không thể hướng dẫn con (vì không đủ trình độ).

EDUCATION

Còn nhóm gia đình trí thức thì có sự tương tác nhiều hơn trong giáo dục kiến thức với nhà trường (thông qua hỗ trợ con cái trong làm bài tập và ôn bài tại nhà, liên hệ giáo viên về tình hình học tập của con, đưa đón con đi học, tìm hiểu những kiến thức con được học ở trường...). Như vậy, nghiên cứu cho thấy có sự liên kết giữa gia đình – nhà trường, tuy nhiên, sự liên kết này không đồng nhất ở các gia đình.

Biểu đồ 3.1: Tương quan giữa trình độ học vấn cha mẹ và tổng thời gian dành cho con



Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả vào tháng 3/2022

4. Kết luận

Về vai trò giáo dục của gia đình, đặt trong tương quan với giáo dục nhà trường, có thể thấy, các gia đình người Việt ở ĐBSCL đã nhận thức được tầm quan trọng của giáo dục trong gia đình, và trên thực tế, nhận thức đó đã được cụ thể qua việc tổ chức các hoạt động giáo dục. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng cho thấy, sự đầu tư cho giáo dục ở các gia đình mặc dù có sự chuyển biến so với trước kia nhưng vẫn còn thấp so với các vùng khác trong cả nước. Điều này đã ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nhân lực ở địa phương. Về mối quan hệ của gia đình với nhà trường, sự nhìn nhận ở các gia đình là mỗi thiết chế giáo dục có chức năng riêng, chứ không đẩy trách nhiệm về riêng bất kỳ thiết chế nào. Mặc dù vậy, trên thực tế, sự liên kết giữa giáo dục gia đình – nhà trường không đồng nhất ở các gia đình thuộc các nhóm xã hội khác nhau. Kết quả nghiên cứu cho thấy có khoảng cách giữa nhận thức và thực tế giáo dục ở các gia đình, bởi các gia đình còn chịu sự chi phối của các yếu tố bên trong và bên ngoài tác động. Chính vì vậy, để phát triển nguồn nhân lực ở Tây Nam Bộ, ngoài nâng cao hơn nữa nhận thức về tầm quan trọng của giáo dục gia đình, thì các nguồn vốn gia đình cần có để đầu tư cho giáo dục (vốn kinh tế, vốn văn hóa, vốn xã hội...) cần phải được chú trọng và phát huy hơn nữa.

CHÚ THÍCH

- (1) Quyết định số 2238/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030, ngày 30-12-2021 của Thủ tướng Chính phủ.
- (2) Đặc biệt, tại thời điểm chúng tôi khảo sát là sau dịch COVID, nhu cầu các gia đình sử dụng thiết bị điện tử như điện thoại, máy tính bảng, laptop... cho con em học online, kết nối với thầy cô qua Zoom, Google Meet, Zalo... trở nên phổ biến.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bronfenbrenner, U. (1977), *Toward an experimental ecology of human development*, *American Psychologist*, 32, tr.513-531.
2. Bruner, J. (1996). *The culture of education*, London: Harvard University Press.
3. Chu Xuân Diên (2005), *Văn học dân gian Bạc Liêu*, Hà Nội: ĐHQG Hà Nội.
4. Cuche, D. (2020), *Khái niệm văn hóa trong khoa học xã hội*, Hà Nội: Tri Thức.
5. Đặng Thị Hoa (2008), *Thực trạng giáo dục và vai trò của cha mẹ trong giáo dục con cái ở nông thôn Việt Nam (nghiên cứu tại Yên Bái, Thừa Thiên Huế và Tiền Giang)*. Trong: *Gia đình nông thôn trong chuyển đổi* (tr. 113-147), Hà Nội: Khoa học Xã hội.
6. Hà Thúc Dũng & Nguyễn Ngọc Anh (2012), *Định hướng học tập và nghề nghiệp cho con cái của cư dân ĐBSCL*. *Tạp chí Khoa học xã hội*, 7, 45-53.
7. Leithwood, K. & Patrician, P. (2015), *Changing the educational culture of the home to increase student success at school*, *Societies*, 5, tr.664-685.
8. Lê Ngọc Hùng (2014), *Phân hóa chức năng giáo dục gia đình trong quá trình biến đổi cấu trúc xã hội ở Việt Nam hiện nay*. Trong *Gia đình Việt Nam trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập từ cách tiếp cận so sánh* (tr 67-88), Hà Nội: Khoa học Xã hội.
9. Nguyễn Ngọc Quang (2015), *Văn học dân gian Bến Tre: Tuyển chọn từ tài liệu sưu tầm điền dã*, Hà Nội: Khoa học Xã hội.
10. Nguyễn Văn Tiệp (2017), *Bất bình đẳng giới về giáo dục, việc làm, thu nhập và nghèo đói của người Việt ở ĐBSCL hiện nay*, HCM: ĐHQG-HCM.
11. Trần Thị Kim Xuyên (2014), *Sự thay đổi về mặt chức năng của gia đình nông thôn ven đô trong bối cảnh đô thị Nam Bộ*. Trong *Gia đình Việt Nam trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập từ cách tiếp cận so sánh* (tr. 202-230). Hà Nội: Khoa học Xã hội.
12. Tổng cục Thống kê (2021), *Kết quả khảo sát mức sống dân cư Việt Nam năm 2020*.